CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP

(Áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ:……

I. PHẦN NGƯỜI NỘP THUẾ TỰ KHAI

1. Người nộp thuế:

04] Họ và tên:

[05] Ngày/tháng/năm sinh:

[06] Mã số thuế: …….

[07] Số CCCD (trường hợp cá nhân chưa có MST): 040075005971

[08] Ngày cấp: **[09]** Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về TTXH

[10] Địa chỉ cư trú:

[10.1] Số nhà: **[10.2]** Đường/phố: Phan Sỹ Thục

[10.3] Tổ/thôn: **[10.4]** Phường/xã/thị trấn:

[10.5] Quận/huyện: Thành phố Vinh **[10.6]** Tỉnh/Thành phố: Nghệ An

[11] Địa chỉ nhận thông báo thuế:

[12] Điện thoại: 0912406375

2. Đại lý thuế (nếu có):

[13] Tên đại lý thuế:.....

[14] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | | |

[15] Hợp đồng đại lý thuế: Số: ..... Ngày: .....

3. Thửa đất chịu thuế:

[16] Thông tin người sử dụng đất:

ST	Họ và tên	MST	CMND/CCCD/ Hộ chiếu (trường hợp cá nhân chưa có MST)	Tỷ lệ

[17] Địa chỉ thửa đất: Thửa số , Tờ bản đồ:

[17.1] Số nhà: ..... **[17.2]** Đường/ phố:

[17.3] Tổ/thôn: **[17.4]** Phường/xã/thị trấn:

[17.5] Quận/huyện: **[17.6]** Tỉnh/Thành phố:

[18] Là thửa đất duy nhất:

[19] Đăng ký kê khai tổng hợp tại (Quận/Huyện):

[20] Đã có giấy chứng nhận:

[20.1] Số giấy chứng nhận: **[20.2]** Ngày cấp:

[20.3] Thửa đất số: **[20.4]** Tờ bản đồ số:

[20.5] Diện tích: m2 **[20.6]** Loại đất/ Mục đích sử dụng:

[21] Tổng diện tích thực tế sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp:

[21.1] Diện tích đất sử dụng đúng mục đích: .....

[21.2] Diện tích đất sử dụng sai mục đích/chưa sử dụng theo đúng quy định: .....

[21.3] Hạn mức (nếu có): .....

[21.4] Diện tích đất lấn, chiếm: .....

[22] Chưa có giấy chứng nhận: ☐

[22.1] Diện tích: 433.0m2 **[22.2]** Loại đất/ Mục đích đang sử dụng: Đất ở tại nông thôn

[23] Thời điểm bắt đầu sử dụng đất: …….

[24] Thời điểm thay đổi thông tin của thửa đất: ……...

4. Đối với đất ở nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư [25] *(tính trên diện tích sàn thực tế sử dụng)*:

[25.1] Loại nhà: .....**[25.2]** Diện tích: ..... **[25.3]** Hệ số phân bổ: .....

5. Trường hợp miễn, giảm thuế [26] *(ghi rõ trường hợp thuộc diện được miễn, giảm thuế như: thương binh, gia đình thương binh liệt sỹ, đối tượng chính sách, ...): Ông Nguyễn Tài Hận là con đẻ Liệt sĩ*

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(*Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử*)

II. PHẦN XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN CHỨC NĂNG *(Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam)*

1. Người nộp thuế

[27] Họ và tên: .....

[28] Ngày/ tháng/ năm sinh: .....

[29] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[30] Số CMND/Hộ chiếu/CCCD: .....

[31] Ngày cấp: ..... **[32]** Nơi cấp: .....

2. Thửa đất chịu thuế

[33] Địa chỉ:

[33.1] Số nhà: ..... **[33.2]** Đường/phố: .....

[33.3] Tổ/thôn: ..... **[33.4]** Phường/xã/thị trấn: .....

[33.5] Quận/huyện: ..... **[33.6]** Tỉnh/Thành phố: .....

[34] Đã có giấy chứng nhận:

[34.1] Số giấy chứng nhận: ..... **[34.2]** Ngày cấp: .....

[34.3] Thửa đất số: ..... **[34.4]** Tờ bản đồ số: .....

[34.5] Diện tích đất phi nông nghiệp ghi trên GCN: .....

[34.6] Diện tích thực tế sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp: .....

[34.7] Loại đất/ Mục đích sử dụng: .....

[34.8] Hạn mức *(Hạn mức tại thời điểm cấp GCN):* .....

[35] Chưa có giấy chứng nhận:

[35.1] Diện tích: ..... **[35.2]** Loại đất/ Mục đích đang sử dụng: .....

[36] Thời điểm bắt đầu sử dụng đất: ……

[37] Thời điểm thay đổi thông tin của thửa đất: ……...

3. Trường hợp miễn, giảm thuế [38]

(ghi rõ trường hợp thuộc diện được miễn, giảm thuế như: thương binh, gia đình thương binh liệt sỹ, đối tượng chính sách ...): .....

4. Căn cứ tính thuế

[39] Diện tích đất thực tế sử dụng: ..... **[40]** Hạn mức tính thuế: .....

[41] Thông tin xác định giá đất:

[41.1] Loại đất/ mục đích sử dụng: ..... **[41.2]** Tên đường/vùng: .....

[41.3] Đoạn đường/khu vực: ..... **[41.4]** Loại đường: .....

[41.5] Vị trí/hạng: ..... **[41.6]** Giá đất: ..... **[41.7]** Hệ số (đường/hẻm…): .....

[41.8] Giá 1 m^2 đất *(Giá đất theo mục đích sử dụng)*: .....

5. Diện tích đất tính thuế

5.1. Đất ở *(Tính cho đất ở, bao gồm cả trường hợp sử dụng đất ở để kinh doanh)*

Tính trên diện tích có quyền sử dụng

[42] Diện tích trong hạn mức	**[43]** Diện tích vượt không quá 3 lần hạn mức *(thuế suất: 0,07%)*	**[44]** Diện tích vượt trên 3 lần hạn mức *(thuế suất 0,15%)*

(thuế suất: 0,03%)		
...	...	...

5.2. Đất ở nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư *(tính trên diện tích sàn thực tế sử dụng)*:

[45] Diện tích: ..... **[46]** Hệ số phân bổ: .....

5.3. Diện tích đất sản xuất kinh doanh – Tính trên diện tích sử dụng đúng mục đích:

[47] Diện tích: .....**[48]** Hệ số phân bổ *(đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư):* .....

5.4. Đất sử dụng không đúng mục đích hoặc chưa sử dụng theo đúng quy định:

[49] Diện tích: ..... **[50]** Mục đích thực tế đang sử dụng: .....

[51] Hệ số phân bổ *(đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư):* .....

5.5. Đất lấn chiếm:

[52] Diện tích: ..... **[53]** Mục đích thực tế đang sử dụng: .....

[54] Hệ số phân bổ *(đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư):* .....

..., ngày..... tháng..... năm.....
CÁN BỘ VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

..., ngày..... tháng..... năm.....
GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)